

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HS-PT

Ngày: 06/5/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Quỳnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Trung và ông Nguyễn Đức Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân, tỉnh Nghệ An, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 11/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị H. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2023/HS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2024/HSPT-QĐ ngày 08/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2024/HSPT-QĐ ngày 16/4/2024 đối với bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị H; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 15/9/1975, tại huyện T, tỉnh Nghệ An; trú tại: xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông: Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị X (đều đã chết), có chồng là Nguyễn Cảnh H1 (đã chết); có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/5/2023 cho đến ngày 08/5/2023. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993, Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện T, Nghệ An.

2. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1972, Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện T, Nghệ An.
3. Chị Lê Thị H2, sinh năm 1962, Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.
4. Chị Võ Thị H3, sinh năm 1969, Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.
5. Chị Bùi Thị M, sinh năm 1993, Nơi cư trú: Xóm T, xã Ngọc Sơn, huyện T, tỉnh Nghệ An.
6. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1965, Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện T, Nghệ An.
7. Chị Đặng Thị Kim A, sinh năm 1974, Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện T, Nghệ An.
8. Chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1970, Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện T, Nghệ An.

Các bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm như sau:

Từ năm 2019 đến năm 2021, Nguyễn Thị H đứng ra kêu gọi, huy động các cá nhân trong xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An tham gia phường do Nguyễn Thị H làm chủ.

Cách thức đi phường là mỗi tháng các cá nhân tham gia đóng một số tiền nhất định tùy theo phường với mức lãi suất là 0,1%. Từ khi tổ chức phường, Nguyễn Thị H đã chi trả đầy đủ cho các cá nhân tham gia phường. Nhưng đến năm 2022 do nợ nần quá nhiều, mất khả năng chi trả, nên Nguyễn Thị H đã đứng ra tổ chức phường để lấy tiền của các cá nhân vào mục đích chi tiêu riêng theo phương thức phường ảo. Cụ thể:

1. Tháng 01/2022 âm lịch, chị Võ Thị H3 đến nhà Nguyễn Thị H hỏi về việc tham gia phường. Lúc này H có nói với chị H3 là có phường 2.000.000 đồng/tháng với lãi suất là 0,1%, đóng vào ngày 2 âm lịch hàng tháng. Do tin tưởng nên chị H3 đồng ý tham gia và đã đóng cho H được 2 đến 3 tháng thì chị H3 hỏi H phường chỉ có 02 suất là của chị H3 và chị H4 tham gia còn danh sách mà H viết vào tờ giấy kê ngang là không có thực và cuối danh sách có ghi lại số điện thoại của H. Sau đó H đưa danh sách này cho chị H3 cầm để chị H3 tin tưởng hàng tháng tiếp tục đóng tiền cho H.

Từ tháng 01/2022 âm lịch đến tháng 01/2023 âm lịch, chị H3 đã đóng cho H tổng số tiền là **26.000.000 đồng**. Số tiền này H chiếm đoạt toàn bộ. Sau khi

hành vi của mình bị phát hiện, ngày 26/3/2023, H viết giấy vay nợ số tiền này, có xác nhận của các bên liên quan và người làm chứng.

2. Tháng 2/2022 âm lịch. chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1965 đến gặp H xin đi phường thì H nói với chị H4 tham gia phường gồm 18 người. Nhưng thực tế không có ai tham gia phường này. Chị H4 tin tưởng H nên không hỏi danh sách những ai tham gia. Kể từ tháng 02/2023 âm lịch đến tháng 01/2023 âm lịch, chị H4 đã đóng cho H tổng số tiền là 24.000.000 đồng. Số tiền này H chiếm đoạt toàn bộ.

Đến ngày 26/3/2023 dương lịch, hành vi của H bị phát hiện nên H đã viết giấy vay nợ có xác nhận của các bên có liên quan và người làm chứng

3. Tháng 06/2022 âm lịch, do cần tiền nên tại quán tạp hóa của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993, chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1993 Hường hỏi chị T và chị V có tham gia phường hay không hiện nay đã có 17 người tham gia và mỗi người tham gia đóng tiền phường mỗi tháng 3.000.000 đồng và lãi suất là 0,1%, đóng tiền vào ngày 20 âm lịch hàng tháng. Nhưng thực chất không có phường này. Do chị T và chị V cũng đang theo phường do H làm chủ nên tin tưởng không hỏi danh sách và xin tham gia mỗi người 01 suất. Chị T đóng tiền cho H từ tháng 06/2022 âm lịch đến tháng 11/2022 âm lịch với 06 tháng với số tiền là 18.000.000 đồng, qua đó đã bị H chiếm đoạt toàn bộ số tiền này. Sau khi phát hiện phường mình tham gia là không có thực thì chị T dừng đóng 02 suất phường thực mỗi tháng 2.000.000 đồng mà chị T đã tham gia trước đó nên H đã phải đóng cho chị T số tiền 4.000.000 đồng. Còn chị V đóng cho H 7 tháng tiền phường với số tiền là 21.000.000 đồng. Qua đó H đã chiếm đoạt số tiền này. Sau khi bị phát hiện phường không có thực nên chị V đã dừng đóng 02 tháng phường thực với số tiền là 4.000.000 đồng nên H đã đóng hộ chị V số tiền 4.000.000 đồng.

4. Ngày 10/6/2022 do cần tiền tiêu xài nên H rủ chị Đặng Thị Kim A, sinh năm 1974, tham gia phường không có thực với số người mà H nói là có 24 suất, mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng, lãi suất 0,1%/tháng, đóng vào ngày 10 hàng tháng. Do tin tưởng H cho nên chị A đã đóng cho H 9 tháng phường với số tiền là 18.000.000 đồng. Sau khi bị bại lộ, H đã viết giấy vay nợ với nội dung H vay chị Kim A số tiền 28.000.000 đồng. Trong số tiền 28.000.000 đồng này có 18.000.000 đồng là tiền mà chị Kim A tham gia phường không có thực, còn lại 10.000.000 đồng là số tiền mà H đã nợ chị Kim A trước đó.

5. Tháng 9/2022 âm lịch, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên H đã rủ chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 tham gia phường không có thực. Do tin tưởng H cho nên chị T đã đóng cho H số tiền **15.000.000 đồng**. Ngoài ra cùng thời điểm này, H

còn rủ chị Lê Thị H2, sinh năm 1962 tham gia đóng tiền phường không có thực với số tiền là 18.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1970 tham gia 02 suất phường không có thực với số tiền đã đóng cho H là 05 tháng với số tiền là 30.000.000 đồng. Số tiền của những người này H đã chiếm đoạt.

6. Tháng 9/2022 âm lịch, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên H3 đã nghĩ ra cách thành lập phường không có thực và rủ chị Bùi Thị M, sinh năm 1993 tham gia phường mỗi suất phường tham gia 3.000.000 đồng tháng. Chị Bùi Thị M đã đóng cho H số tiền 05 tháng là 15.000.000 đồng. Sau khi phát hiện ra phường không có thực nên chị Bùi Thị M đã dừng đóng phường có thực mà chị M tham gia tại Hường với số tiền 02 tháng là 4.000.000 đồng. H đã phải đóng thay cho chị M số tiền 4.000.000 đồng này.

7. Tháng 9/2022 âm lịch, do cần tiền tiêu dùng cho cá nhân nên H nghĩ ra cách thành lập phường không có thực để rủ chị Lê Thị H2, sinh năm 1962 và chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1970 tham gia phường do hường làm chủ. Do tin tưởng hường cho nên chị Lê Thị H2 đã đóng cho H số tiền 12.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Q1 đã đóng cho hường số tiền 24.000.000 đồng. Số tiền này H đã chi tiêu cá nhân

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại chị Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 29.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị V yêu cầu bồi thường số tiền 18.000.000 đồng, gồm có 17.000.000 đồng là do bị cáo lừa tham gia phường và 1.000.000 đồng; chị Lê Thị H2 yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng; chị Võ Thị H3 yêu cầu bồi thường 11.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H4 yêu cầu bồi thường 24.000.000 đồng; chị Đặng Thị Kim A1 yêu cầu bồi thường 28.000.000 đồng gồm 18.000.000 đồng tiền tham gia phường không có thực và 10.000.000 đồng là số tiền H đã vay chị trước đó, chị Nguyễn Thị Q1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 54.000.000 đồng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho mỗi bị hại số tiền là 2.000.000 đồng. Các bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H bồi thường số tiền còn lại.

Với nội dung trên, bản án hình sự sơ thẩm số 96/2023/HS-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ vào điểm a, khoản 3 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự; các Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Xử phạt Nguyễn Thị H 09 (C) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị

cáo thi hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/5/2023 đến ngày 08/5/2023.

Bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với các bị hại, xử lý vật chứng, án phí hình sự, án phí dân sự trong hình sự, nghĩa vụ thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 29/12/2023, bị cáo Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo 09 năm tù là nặng quá, bị cáo kháng cáo xin được xét xử lại cho bị cáo mức án nhẹ hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo tham gia phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự; các Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 05 (Năm) đến 05 (Năm) 06 (S) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/5/2023 đến ngày 08/5/2023.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Bị cáo làm đơn kháng cáo trong hạn luật định. Nội dung và hình thức đơn kháng cáo đúng quy định nên được chấp nhận để xem xét.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị hại: Các bị hại được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình các giấy nhận tiền và bản phô-tô căn cước công dân có chứng thực của các bị hại thể hiện họ đã được bị cáo bồi thường đầy đủ. Nên sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó có căn cứ để kết luận: Từ tháng 01/2022 đến tháng 9 năm 2022 (âm lịch), do thiếu tiền tiêu dùng cá nhân nên Nguyễn Thị H đã thành lập các phường không có thật nhằm chiếm đoạt số tiền 221.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993, chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1972, chị Lê Thị h, sinh năm 1962, chị Võ Thị H3, sinh năm 1969, chị Bùi Thị M, sinh năm năm 1993, chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1965, chị Đặng Thị Kim A, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1970 đều trú tại xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 221.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015. Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2023/HS-ST ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An đã đánh giá, cân nhắc về động cơ, mục đích, tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo nên đã xử phạt bị cáo 09 năm tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình các giấy nhận tiền thể hiện các bị hại đã được bị cáo bồi thường đầy đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tiếp tục khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại do bị cáo gây ra đối với các bị hại, các bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự trong hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; điều 54 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt Nguyễn Thị H 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/5/2023 đến ngày 08/5/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường hết cho các bị hại.

Về án phí: Án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí dân sự trong hình sự: Không.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND t. Nghệ An;
- CQCSĐTCA h. Thanh Chương;
- Cơ quan THAHS h. Thanh Chương;
- UBND xã nơi b/c cư trú;
- Chi cục THADS h. Thanh Chương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Quỳnh